

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 47/2002/QĐ-Ttg
ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân
nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp đã phục
viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31 tháng 12 năm 1960 trở về trước**

Thông tư liên tịch số 104/TTLT-BQP-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2002 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 47/2002/QĐ-TTG ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31 tháng 12 năm 1960 trở về trước được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách.

Thi hành Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân (QN), công nhân viên quốc phòng (CNVQP) tham gia kháng chiến chống Pháp đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31/12/1960 trở về trước; sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Tổ chức Trung ương tại Công văn số 1337 CV/TCTW ngày 05 tháng 6 năm 2002, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 2373/LĐTBXH-TL ngày 19/7/2002, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ tại Công văn số 79/BTCCBCP-TL ngày 04 tháng 7 năm 2002 và Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam tại Công văn số 202/CV-CCB ngày 21 tháng 6 năm 2002, Liên Bộ Quốc phòng - Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau¹:

¹ Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN

1. Đối tượng và điều kiện áp dụng:

Quân nhân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương), công nhân viên quốc phòng thuộc các cơ quan, đơn vị quân đội có thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp nhập ngũ, tuyển dụng vào quân đội từ ngày 22/12/1944 đến trước ngày 20/7/1954, đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31/12/1960 về trước, không thuộc diện hưởng lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động hàng tháng hoặc hưởng chế độ bệnh binh theo Nghị định số 500/NĐ-LB ngày 12/11/1958 của Liên Bộ Cứu tế Xã hội - Tài chính - Quốc phòng và Nghị định số 523/TTg ngày 06/12/1958 của Thủ tướng Chính phủ, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Quân nhân, CNVQP do bị thương, hoặc sức khỏe yếu, hoặc hoàn cảnh gia đình khó khăn, hoặc do không có nhu cầu sử dụng được đơn vị cho về gia đình trước ngày 20/7/1954;

b) Quân nhân, CNVQP thuộc diện giảm quân số sau ngày 20/7/1954 (kể cả số bị địch bắt, trao trả sau đó được giải quyết xuất ngũ);

c) Quân nhân, CNVQP chuyển ngành sang làm kinh tế hoặc công tác khác thôi việc từ ngày 31/12/1960 về trước;

d) Quân nhân, CNVQP ở miền Nam, được đơn vị cho về gia đình trước khi đơn vị tập kết ra miền Bắc theo Hiệp định Giơ-ne-Vơ (1954), sau đó không tiếp tục hoạt động hoặc tiếp tục thoát li hoạt động nhưng đã giải ngũ hoặc thôi việc tại miền Nam trước ngày 30/4/1975 mà không hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động, bệnh binh hàng tháng (thời gian được tính hưởng là thời gian thực tế phục vụ quân đội từ ngày 20/7/1954 về trước).

Các đối tượng quy định tại Điểm a, b, c, d nêu trên đã hưởng hoặc đang hưởng phụ cấp, trợ cấp một lần hoặc hàng tháng như: Trợ cấp thương tật của thương binh, trợ cấp đối với thân nhân liệt sĩ; phụ cấp ưu đãi đối với anh hùng; phụ cấp, trợ cấp đối với người hoạt động cách mạng trước cách mạng tháng tám năm 1945; trợ cấp tù đầy; trợ cấp người có công giúp đỡ cách mạng; trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng; trợ cấp tham gia kháng chiến; chế độ sinh hoạt phí đối

sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách."

với cán bộ xã, phường, thị trấn khi đang làm việc hoặc đã nghỉ việc vẫn được hưởng chế độ theo quy định tại Thông tư này.

Các đối tượng nêu trên, nếu đã từ trần thì vợ hoặc chồng của người từ trần được hưởng trợ cấp. Nếu vợ hoặc chồng của người từ trần đã chết thì người thừa kế theo pháp luật được hưởng trợ cấp, theo thứ tự sau:

- Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật của người từ trần (thuộc hàng thừa kế thứ nhất);

- Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người từ trần (thuộc hàng thừa kế thứ hai);

- Bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người từ trần; cháu ruột của người từ trần mà người từ trần đó là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột (thuộc hàng thừa kế thứ ba).

(Mỗi hàng thừa kế do một người đại diện được những người trong hàng thừa kế uỷ quyền đứng khai. Người đại diện ở hàng thừa kế sau chỉ đứng khai hưởng chế độ nếu không còn ai đại diện ở hàng thừa kế trước).

2. Đối tượng và điều kiện không áp dụng:

a) Đối tượng quy định tại Khoản 1, Mục I nêu trên, sau khi phục viên (giải ngũ, thôi việc) mà tái ngũ, tuyển dụng vào quân đội hoặc tiếp tục thoát ly công tác và đã xuất ngũ, thôi việc tại miền Bắc sau ngày 31/12/1960 và tại miền Nam từ ngày 30/4/1975 về sau;

b) Những người đào ngũ, bỏ ngũ đã ghi trong lý lịch cá nhân hoặc có văn bản thông báo đào ngũ của cấp trung đoàn trở lên hoặc có tên trong danh sách đào ngũ lưu trữ tại cơ quan quân sự huyện (quận);

c) Đối tượng sau khi xuất ngũ, thôi việc có tham gia nguy quân hoặc chính quyền nguy ở miền Nam tại địa phương từ thôn, bản, ấp, tổ dân phố... (sau đây gọi tắt là thôn) trở lên; hoặc không tham gia nguy quân hoặc chính quyền nguy tại đại phương nêu trên nhưng có hành động cộng tác với địch, gây thiệt hại cho cách mạng;

d) Đối tượng đang trong thời gian thi hành án tù giam;

đ) Người bị địch bắt mà đầu hàng, phản bội, xưng khai đã ghi trong lý lịch cá nhân hoặc có danh sách lưu trữ trong hồ sơ quản lý của cơ quan có thẩm quyền trong quân đội;

e) Đối tượng đã từ trần nhưng không còn người thừa kế theo pháp luật.

Những người hưởng chế độ hưu trí, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng; dân quân du kích, tự vệ; thanh niên xung phong; dân công hỏa tuyến và dân công thời chiến không thuộc đối tượng quy định tại Thông tư này.

II. CHẾ ĐỘ ĐƯỢC HƯỞNG

1. Nguyên tắc tính hưởng:

a) Thời gian để tính hưởng chế độ là thời gian thực tế phục vụ trong quân đội từ ngày 22/12/1944 đến ngày 31/12/1960, trong đó thời điểm nhập ngũ, tuyển dụng của QN, CNVQP phải trước ngày 20/7/1954 và phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31/12/1960 về trước.

b) Trong khoảng thời gian từ ngày 22/12/1944 đến ngày 31/12/1960, nếu QN, CNVQP có thời gian phục vụ quân đội bị gián đoạn thì được cộng dồn các khoảng thời gian thực tế phục vụ trong quân đội để tính hưởng chế độ.

2. Cách tính hưởng:

a) Công thức tính:

Thời gian được tính hưởng chế độ xác định theo công thức sau:

$$\frac{\text{Tổng số năm được tính}}{\text{để hưởng chế độ}} = \frac{\text{Tổng số tháng được tính để hưởng chế độ}}{12 \text{ tháng}}$$

Khi tính thời gian theo công thức trên, nếu có tháng lẻ thì từ 6 tháng trở lên được tính là 1 năm, dưới 6 tháng được tính là 1/2 năm.

b) Cách tính:

- Tính theo năm thực tế phục vụ trong quân đội của đối tượng, cứ mỗi năm được hưởng bằng 420.000 đồng (bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A nhập ngũ tháng 1/1946, đến tháng 6/1958 xuất ngũ. Mức hưởng như sau:

+ Thời gian công tác được tính hưởng chế độ = 12 năm 6 tháng, được tính tròn là 13 năm

+ Số tiền trợ cấp một lần là: 420.000 đ/năm × 13 năm = 5.460.000đ.

Ví dụ 2: Ông Phạm Văn B nhập ngũ tháng 11/1947 đến tháng 10/1949 do ốm, đơn vị cho về nghỉ dài hạn tại gia đình; đến tháng 8/1954 ông B tái ngũ và tháng 12/1958 phục viên về địa phương. Mức hưởng như sau:

+ Thời gian công tác được tính hưởng chế độ = 2 năm (lần 1) + 4 năm 5 tháng (lần 2) = 6 năm 5 tháng, được tính là 6,5 năm;

+ Số tiền trợ cấp một lần là: 420.000 đ/năm × 6,5 năm = 2.730.000đ.

- Đối với những đối tượng có thời gian phục vụ trong quân đội từ 2 năm trở xuống, mức hưởng chế độ thống nhất bằng 840.000 đồng (tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

Ví dụ 3: Ông Trần Văn C nhập ngũ tháng 1/1950, đến tháng 3/1951, đơn vị cho về gia đình nghỉ vì ốm. Mức hưởng như sau:

+ Thời gian công tác được tính để hưởng chế độ: từ tháng 1/1950 đến tháng 3/1951 là 1 năm 3 tháng (dưới 2 năm)

+ Số tiền được hưởng: 840.000 đồng

- Đối với đối tượng đã từ trần trước ngày 01/5/2002 (trước thời điểm Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành) thì vợ hoặc chồng hoặc người thừa kế theo pháp luật của người từ trần được hưởng mức trợ cấp một lần thống nhất bằng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), không phụ thuộc vào thời gian phục vụ trong quân đội.

Trường hợp đối tượng từ trần từ ngày 01/5/2002 về sau mà chưa được hưởng chế độ theo quy định tại Thông tư này thì vợ hoặc chồng hoặc người thừa kế theo pháp luật của người từ trần được hưởng mức trợ cấp tình theo thời gian thực tế phục vụ trong quân đội của đối tượng.

III. THỦ TỤC, HỒ SƠ

1. Hồ sơ

a) Các giấy tờ làm căn cứ xét duyệt:

- Các giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc:

+ Lý lịch quân nhân: lý lịch quân nhân phục viên;

+ Lý lịch Đảng viên (nếu là Đảng viên);

+ Công lệnh giải ngũ; giấy báo phục viên;

+ Giấy cho nghỉ phép dài hạn;

+ Thẻ chứng minh thư quân nhân dự bị;

- Các giấy tờ liên quan:

+ Bằng (hoặc giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền) Huân, Huy chương tổng kết kháng chiến chống Pháp hoặc khen thưởng tham gia kháng chiến chống Pháp trong dịp thực hiện Nghị định 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ;

+ Bằng Bảng vàng danh dự, Bảng gia đình vẻ vang;

+ Các giấy tờ có liên quan khác...

b)² Quy định về hồ sơ thẩm định, xét duyệt:

- Đối với đối tượng còn có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, hồ sơ gồm:

+ Bản khai cá nhân (Mẫu số 1a); hoặc của thân nhân là vợ hoặc chồng

² Điểm này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

hoặc đại diện người thừa kế theo pháp luật (Mẫu số 1b) đối với trường hợp đối tượng đã từ trần, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là xã) nơi thường trú.

Nếu đại diện người thừa kế theo pháp luật làm bản khai thì phải kèm theo giấy ủy quyền của những người cùng hàng thừa kế, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi người ủy quyền thường trú (Mẫu số 1c).

+ Bản sao một trong các giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục này kèm theo bản chính để đối chiếu.

- Đối với đối tượng không còn giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc (chỉ có giấy tờ liên quan, hoặc không có giấy tờ), hồ sơ gồm:

+ Bản khai cá nhân hoặc của thân nhân như quy định nêu trên.

+ Bản sao các giấy tờ có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục này (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu.

+ Biên bản xét và xác nhận của Hội nghị Hội Cựu chiến binh xã (có đại diện cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp đã được hưởng chế độ theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg hoặc cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp đang hưởng chế độ hưu trí, bệnh binh, mất sức lao động hằng tháng) gửi Ủy ban nhân dân xã xét duyệt (Mẫu số 3).

+ Bản xác nhận và đề nghị Ủy ban nhân dân xã (Mẫu số 4).

Đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) thuộc đối tượng quy định tại Thông tư này nhưng nay thường trú ở địa phương khác, nếu không có đủ giấy tờ chứng nhận đã có thời gian phục vụ trong quân đội thì phải có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi quê quán của đối tượng hoặc nơi đối tượng nhập ngũ (tuyển dụng vào công nhân viên quốc phòng); hoặc xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý đối tượng trước khi nhập ngũ hoặc khi tại ngũ.

2³. Trình tự và trách nhiệm của đối tượng, của cơ quan, đơn vị, địa phương và Trung ương

a) Trách nhiệm của đối tượng

- Làm bản khai theo mẫu quy định.

- Nộp 01 bộ hồ sơ gồm: Bản khai và bản sao một trong các giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc hoặc bản sao các giấy tờ có liên quan (nếu có) cho Ủy ban nhân dân xã.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

b) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã

- Chỉ đạo, triển khai việc tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân và đối tượng về nội dung chế độ và tổ chức thực hiện bảo đảm dân chủ, công khai, chặt chẽ, chính xác, đúng đối tượng ở địa phương.

- Thành lập Hội đồng chính sách xã do Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch Hội đồng, Ban chỉ huy quân sự xã làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Đảng ủy, đại diện Mặt trận Tổ quốc, đại diện Hội Cựu chiến binh, công an, công chức văn hóa xã hội (phụ trách nội vụ) và một số thành viên khác (nếu xét thấy cần thiết) để giúp Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện chế độ cho đối tượng tại địa phương theo quy định tại Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg và Thông tư này.

- Chỉ đạo cơ quan thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ của đối tượng đề nghị hưởng chế độ. Lập danh sách đề nghị Sở Nội vụ và cơ quan Bảo hiểm xã hội địa phương rà soát những đối tượng đã được công nhận là liệt sỹ, đối tượng thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động, bệnh binh hằng tháng. Tổ chức xét duyệt các đối tượng đã được Hội Cựu chiến binh họp, cho ý kiến. Đối với những trường hợp không có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, chưa xác định rõ đối tượng, thời gian tính hưởng, hội nghị lập văn bản xác nhận từng trường hợp cụ thể và xem xét giải quyết sau khi xác minh, kết luận.

- Niêm yết danh sách đối tượng đã được xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã để lấy ý kiến của nhân dân và công bố danh sách đã xét duyệt trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

- Sau 10 ngày, nếu không có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Bộ chỉ huy quân sự tỉnh), gồm: Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã (Mẫu số 5), kèm theo danh sách trích ngang đối tượng (Mẫu số 6a, 6b) và 01 bộ hồ sơ của đối tượng.

Đối với đối tượng không có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, Ủy ban nhân dân xã xác minh kỹ, lập văn bản xác nhận và đề nghị từng trường hợp cụ thể (Mẫu số 4) và chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận.

Đối với những trường hợp có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã tiếp tục xác minh, xem xét, báo cáo sau.

- Tổ chức xác nhận đối tượng, thời gian phục vụ quân đội (để tính hưởng chế độ) theo đề nghị của đối tượng hiện nay thường trú ở địa phương khác (quy trình tổ chức xét duyệt và hồ sơ thực hiện như đối tượng không còn giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc ở địa phương). Trong thời gian 20 ngày phải chuyển hồ sơ đã xét duyệt hoặc trả lời cho đối tượng theo đề nghị.

- Tiếp tục xác minh và báo cáo các trường hợp chưa rõ đối tượng, chưa rõ thời gian tham gia quân đội và còn vướng mắc chưa giải quyết chế độ theo yêu

cầu của cấp có thẩm quyền.

- Căn cứ vào thông báo kinh phí và danh sách do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chuyển đến, chỉ đạo cơ quan thuộc quyền thực hiện chi trả cho đối tượng và báo cáo về Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

- Lưu danh sách đối tượng được hưởng chế độ thuộc địa phương quản lý và đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc có liên quan.

c) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tuyên truyền, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện chế độ.

- Thành lập Ban chỉ đạo do Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Ban Tổ chức tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Hội Cựu chiến binh, Sở Nội vụ, cơ quan Bảo hiểm xã hội, Sở Tài chính và sở, ngành có liên quan để giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng và các địa phương thuộc quyền triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo, chủ trì tổ chức tập huấn cho các ban, ngành chức năng có liên quan; lãnh đạo chính quyền và các cơ quan chức năng cấp xã.

- Chỉ đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định kết quả xét duyệt của các cấp, tổng hợp báo cáo Bộ Tư lệnh quân khu (qua Phòng Chính sách).

- Chủ trì giải quyết những vướng mắc, phát sinh tại địa phương.

d) Trách nhiệm của Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tuyên truyền phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện ở các cấp.

- Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân các xã; tổ chức thẩm định, xét duyệt, kiểm tra; tổng hợp báo cáo xin ý kiến Ban chỉ đạo và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Lập danh sách, tổng hợp hồ sơ báo cáo Quân khu (qua Phòng Chính sách), gồm: Công văn đề nghị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (Mẫu số 5); danh sách trích ngang đối tượng (Mẫu số 6a, 6b); hồ sơ đối tượng (01 đối tượng 01 bộ hồ sơ).

- Căn cứ vào thông báo kinh phí và danh sách được trên quyết định, tổng hợp, chuyển Ủy ban nhân dân các xã để chỉ đạo cơ quan thuộc quyền thực hiện chi trả và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

- Lưu danh sách đối tượng được hưởng chế độ và hồ sơ (01 đối tượng 01 bộ hồ sơ) thuộc địa phương đơn vị quản lý và đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề có liên quan.

đ) Trách nhiệm của cấp Quân khu

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền triển khai thực hiện.
 - Tiếp nhận báo cáo, hồ sơ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Tổ chức theo dõi, thẩm định, kiểm tra và tổng hợp báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị), gồm: Công văn đề nghị của Bộ Tư lệnh Quân khu (Mẫu số 5); danh sách trích ngang đối tượng (Mẫu số 6a, 6b); hồ sơ đối tượng (01 đối tượng 01 bộ hồ sơ).
 - Căn cứ vào thông báo kinh phí và danh sách được trên quyết định, chỉ đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chi trả cho đối tượng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành với Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng).
 - Chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền.
- e) Trách nhiệm của các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng
- Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị:
 - + Chỉ đạo, quản lý việc xét duyệt, thẩm định và đề nghị của các Quân khu; tổng hợp trình Thủ trưởng Tổng cục Chính trị ra quyết định hưởng chế độ cho đối tượng;
 - + Lập phiếu thanh toán chế độ trợ cấp một lần và thông báo danh sách đối tượng được hưởng cho các đơn vị;
 - + Phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng lập dự toán ngân sách báo cáo Bộ Tài chính và lập kế hoạch phân bổ ngân sách cho các đơn vị để tổ chức chi trả cho đối tượng;
 - + Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát việc thực hiện và giải quyết những vướng mắc có liên quan;
 - + Lưu danh sách và hồ sơ đối tượng được hưởng chế độ (01 đối tượng 01 bộ hồ sơ).
 - Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng:
 - + Chủ trì, phối hợp với Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị lập dự toán; thông báo và cấp kinh phí cho các đơn vị; hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát việc chi trả, thanh quyết toán kinh phí với các đơn vị;
 - + Chủ trì, phối hợp với Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị giúp Bộ Quốc phòng thanh, quyết toán với Bộ Tài chính theo quy định hiện hành.
 - Cục Cán bộ/Tổng cục Chính trị, Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu:
 - + Theo dõi số lượng đối tượng;
 - + Phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Quốc phòng:

a) Ủy quyền cho Tổng cục Chính trị giúp Bộ Quốc phòng chỉ đạo toàn bộ quá trình thực hiện chế độ cho đối tượng theo quy định tại Thông tư này; căn cứ đề nghị của các quân khu, quyết định mức hưởng chế độ cho đối tượng.

b) Quản lý, chỉ đạo tổ chức chi trả, thanh quyết toán đúng quy định nguồn kinh phí do Nhà nước bảo đảm.

c) Phối hợp với các Bộ, Ban, ngành địa phương giải quyết các vấn đề vướng mắc có liên quan.

2. Bộ Tài chính:

a) Căn cứ danh sách đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính cấp kinh phí chi trả cho đối tượng và lệ phí chi trả theo từng đợt bằng hình thức hạn mức kinh phí cho Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính) để tổ chức thực hiện theo hệ thống cơ quan quân sự địa phương.

b) Chỉ đạo việc thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

3. Quá trình tổ chức xét duyệt, thẩm định và chi trả chế độ đối với các đối tượng ở cấp thực hiện như sau:

- Đối với các đối tượng có đủ hồ sơ giấy tờ xác định đúng đối tượng và thời gian tính hưởng, tập trung xét duyệt và chi trả chế độ dứt điểm trong năm 2002 và quý I năm 2003;

- Đối với các đối tượng hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa rõ thì chính quyền các cấp phối hợp với các cơ quan chức năng tiếp tục xác minh, xem xét, giải quyết tiếp theo;

- Đối với những trường hợp không có giấy tờ, chưa rõ đối tượng và thời gian tính hưởng thì tổng hợp, xem xét báo cáo sau.

4. Nguồn kinh phí chi trả chế độ quy định tại Thông tư này do ngân sách Nhà nước bảo đảm.

- Lệ phí chi trả (bao gồm: Lệ phí bảo đảm cho công tác tuyên truyền, triển khai, quản lý, xét duyệt, chi trả) được tính bằng 4% tổng mức kinh phí chi trả cho việc thực hiện chế độ, được cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước.

- Việc quản lý, chi trả, thanh quyết toán kinh phí yêu cầu phải thực hiện chặt chẽ, kịp thời, chính xác theo đúng quy định hiện hành.

5. Những người có hành vi khai man, hoặc làm sai lệch, giả mạo hồ sơ, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

6. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2002.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các cấp, các đơn vị và cơ quan quân sự địa phương phản ánh về Liên Bộ để xem xét, giải quyết./. 

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: **42** /VBHN-BQP

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Lãnh đạo BQP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Công an;
- BTTM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Các Cục: Chính sách-Xã hội,⁽⁰³⁾ Cán bộ, Quân lực, Tài chính, Pháp chế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL/Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Công TTĐT ngành Chính sách QĐ (để đăng tải);
- Lưu: VT, NCTH.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày **14** tháng **02** năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

Phụ lục I⁴

(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách)

Mẫu số 1a	Bản khai cá nhân
Mẫu số 1b	Tờ khai của thân nhân
Mẫu số 1c	Giấy ủy quyền
Mẫu số 3	Biên bản hội nghị của Hội Cựu chiến binh
Mẫu số 4	Bản xác nhận và đề nghị
Mẫu số 5	Công văn đề nghị giải quyết chế độ cho đối tượng
Mẫu số 6a	Danh sách quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp
Mẫu số 6b	Danh sách quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp đã từ trần trước ngày 01/5/2002

⁴ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Mẫu số 1a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định
số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ

Họ và tên:..... Nam,
 nữ.....

Ngày, tháng, năm
 sinh:

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)

Quê
 quán:

Nơi thường
 trú:

Vào Đảng: Chính
 thức

Nhập ngũ (hoặc tuyển dụng vào CNVQP) ngày..... tháng.....
 năm

Đơn vị khi nhập ngũ: (c, d, e, f...) hoặc đơn vị tuyển
 dụng:

Tái ngũ (nếu có) ngày... tháng... năm Đơn vị: (c, d, e,
 f...).....

Phục viên (giải ngũ, thôi việc) ngày..... tháng.....
 năm.....

Cấp bậc, chức vụ, đơn vị trước khi phục viên (giải ngũ, thôi
 việc):.....

.....

Nghề nghiệp sau khi phục viên (giải ngũ, thôi
 việc):

Các giấy tờ cá nhân có liên quan đến tham gia kháng chiến chống Pháp (kèm theo)

.....

 Đã được khen thưởng tổng kết kháng chiến chống Pháp:

Loại Huân, Huy chương (năm khen thưởng)

.....
 Hiện nay đang hưởng các chế độ gì (Hưu trí, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng hoặc chế độ khác):

BẢNG KÊ THỜI GIAN CÔNG TÁC, CHIẾN ĐẤU KHI TẠI NGŨ

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, chức vụ	Đơn vị (c, d, e, f...)	Cộng thời gian (tháng)
Tổng số thời gian tham gia kháng chiến: năm..... tháng.				

Những người biết được quá trình tham gia kháng chiến chống Pháp của ông (bà):

1. Họ tên: Nơi thường trú:

2. Họ tên: Nơi thường trú:

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của Ủy ban nhân dân...
 (Ký tên, đóng dấu)

Người khai
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TỜ KHAI CỦA THÂN NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định
số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ

2. Phần khai về đối tượng:

Họ và tên: Nam,
nữ

Ngày, tháng, năm
sinh:

Quê
quán:

Nơi thường
trú:

Nhập ngũ (hoặc tuyển dụng vào CNVQP) ngày..... tháng.....
năm

Phục viên (giải ngũ, thôi việc) ngày..... tháng.....
năm.....

Nghề nghiệp sau khi phục viên (giải ngũ, thôi việc):.....
.....

Đã từ trần ngày..... tháng..... năm

Các giấy tờ cá nhân có liên quan đến tham gia kháng chiến chống pháp (kèm theo)
.....
.....

Đã được khen thưởng tổng kết kháng chiến chống Pháp:

Loại Huân, Huy chương (năm khen
thưởng):

.....
.....
.....

Đối tượng đã được hưởng chế độ gì (Hưu trí, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng
hoặc chế độ
khác):

.....
.....
.....

(Đối với đối tượng từ trần từ ngày 01 tháng 5 năm 2002 trở về sau)

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, chức vụ	Đơn vị (c, d, e, f...)	Cộng thời gian (tháng)

Tổng số thời gian tham gia kháng chiến	 năm..... tháng.
---	-----------------------

Những người biết được quá trình tham gia kháng chiến chống Pháp của ông (bà):

1. Họ tên: Nơi thường
trú:

2. Họ tên: Nơi thường
trú: :

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
Pháp luật./.

Xác nhận của Ủy ban nhân dân ...
(Ký tên, đóng dấu)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

Tên tôi là ⁵ : Năm sinh:

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)

Quê quán:

Nơi thường trú:

Là của Ông (Bà)..... thuộc đối tượng thi hành Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Nay ủy quyền cho là Ông (Bà)

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)

Thường trú tại:

.....lập bảng kê khai đề nghị hưởng chế độ./.

Xác nhận của Ủy ban nhân dân ...
 (Ký tên, đóng dấu)

Người ủy quyền
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁵ Trường hợp những người ủy quyền thường trú trong cùng một xã thì chỉ cần một người đại diện cho những người ủy quyền đứng khai. Những người còn lại cùng hàng thừa kế cùng ký tên vào trong giấy ủy quyền này.

Tỉnh (thành phố):.....
 Xã (phường, đặc khu):.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỦA BCH HỘI CỰU CHIẾN BINH

**Đề nghị hưởng chế độ theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg
 ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Thành phần gồm:

1. Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh xã (phường, đặc khu); Tổng số:.... đ/c; Có mặt:....đ/c; Vắng mặt:.... đồng chí.

2. Đại biểu Cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp:

.....

Đã họp để xem xét, đề nghị đối tượng hưởng chế độ theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhất trí xác nhận:

Ông (bà): Sinh
 năm:

Quê
 quán:

Nơi thường
 trú:

Là quân nhân, CNVQP tham gia kháng chiến chống Pháp có thời gian phục vụ quân đội từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Tổng số thời gian tham gia phục vụ quân đội là: năm tháng.

Các giấy tờ có liên quan đến tham gia kháng chiến chống Pháp:

.....

Đối tượng hiện nay không hưởng chế độ nghỉ hưu, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng.

Còn sống hay đã từ trần (nếu đã từ trần ghi rõ ngày, tháng, năm)

Mức

hưởng:

Đề nghị cấp trên xem xét và giải quyết chế độ cho đối tượng./.

ĐẠI BIỂU CỰU CHIẾN BINH

tham gia kháng chiến chống

Pháp

(ký tên)

TM/BCH HỘI CỰU CHIẾN BINH ...

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN XÁC NHẬN VÀ ĐỀ NGHỊ
Hưởng chế độ theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002
của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi:

Căn cứ vào Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ 31 tháng 12 năm 1960 trở về trước; Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Thông tư liên tịch số 104/2002/TTLT-BQP-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2002 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư số /2025/TT-BQP ngày tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng chính sách xã (phường, đặc khu);

Ủy ban nhân dân xã (phường, đặc khu)..... đã tổ chức xác minh và xét duyệt; niêm yết, thông báo danh sách xin ý kiến nhân dân.

Xác nhận và đề nghị:

Ông (bà): Sinh
 năm:

Quê
 quán:

Nơi thường
 trú:

Là quân nhân, CNVQP tham gia kháng chiến chống Pháp có thời gian phục vụ quân đội từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Tổng số thời gian tham gia phục vụ quân đội là: năm tháng.

Các giấy tờ có liên quan đến tham gia kháng chiến chống Pháp:

Đối tượng hiện nay không hưởng chế độ nghỉ hưu, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng.

Còn sống hay đã từ trần (nếu đã từ trần ghi rõ ngày, tháng, năm):

Mức hưởng:

Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận trên. Đề nghị cấp trên xem xét và giải quyết chế độ cho đối tượng./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:¹

Căn cứ vào Thông tư Liên tịch số 104/2002/TTLT-BQP-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2002 của Bộ Quốc phòng - Tài chính; Thông tư số /2025/TT-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách;

.....¹ đề nghị.....² xem xét, giải quyết chế độ cho các đối tượng có thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp như sau:

- Tổng số đối tượng:.....

- Tổng số tiền:.....

(Bằng chữ:.....)

Trong đó:

1. Đối tượng tham gia kháng chiến chống Pháp còn sống và đối tượng đã từ trần từ ngày 01 tháng 5 năm 2002 trở về sau:

- Tổng số:.....

- Số tiền:.....

2. Đối tượng tham gia kháng chiến chống Pháp đã từ trần trước ngày 01 tháng 5 năm 2002:

- Tổng số

- Số tiền:.....

Các trường hợp này đã có đủ hồ sơ theo quy định và được kiểm tra kỹ (có danh sách và hồ sơ kèm theo)/.

.....

.....

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, đơn vị đề nghị (dùng thống nhất cho các cấp từ xã (phường, đặc khu) đến Quân khu);

² Cấp trên tiếp nhận hồ sơ.

.....

**DANH SÁCH QUÂN NHÂN, CÔNG NHÂN VIÊN QUỐC
PHÒNG THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP**

**Được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số
47/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Còn sống hay đã tử trần	Số năm được hưởng	Mức hưởng (đồng)	Ghi chú

Tổng số đối tượng được hưởng:...
đối tượng.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng số tiền:..... đồng.
(Bằng chữ.....)

..., ngày... tháng.... năm.....

.....¹

(Ký, đóng dấu)

.....
**DANH SÁCH QUÂN NHÂN, CÔNG NHÂN VIÊN QUỐC
 PHÒNG THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP ĐÃ TỪ
 TRẦN TRƯỚC NGÀY 01/5/2002**

**Được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số
 47/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Mức hưởng (đồng)	Ghi chú

Tổng số đối tượng được hưởng:..... đối tượng; Tổng số tiền:.....
 đồng.

(Bằng chữ.....)/.

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày.....
 tháng.....năm.....

 (Ký, đóng dấu)

